TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày: 16-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Mý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16-8-2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2018/TLST-HS, ngày 26 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo: Nguyễn Tăng Q; Tên gọi khác: K; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20-02-1982, tại Đăk Lăk; NĐKHKTT: Phường Đ, thị xã H, tỉnh Đăk Lăk; Chỗ ở trước khi phạm tội: 293/4 P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Tăng N (Đã chết) và bà Trần Thị L (Đã chết); Bị cáo chung sống như vợ chồng với bà Trần Nguyên Quỳnh M và có 01 con (Sinh năm 2016); Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án. Ngày 09-11-2001 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 15 năm tù về các tội "Hiếp dâm" và "Cướp tài sản công dân", đến ngày 02-01-2013 chấp hành xong hình phạt, chưa chấp hành xong bản án phần án phí và bồi thường dân sự, chưa được xóa án tích; Bị bắt, tạm giam ngày 30-3-2018 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Ông Lại Văn N; Sinh năm: 1972; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Nguyễn Nhật H; Sinh năm: 1969; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, làng B, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. Bà Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1967; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Nguyễn Trọng T; Sinh năm: 1960; Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Trần Nguyên Quỳnh M; Sinh năm: 1987; Có mặt.

Địa chỉ cư trú: 293/4 P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 02 và tháng 3 năm 2018, Nguyễn Tăng Q cùng với đối tượng M (Hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) đã cùng nhau trộm cắp tài sản 03 lần trên địa bàn huyện G, tỉnh Gia Lai cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ ngày 05-02-2018, Nguyễn Tăng Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 47C1-192.00 chở đối tượng tên M đi tới khu vực làng B, xã D, huyện G, tỉnh Gia Lai thì phát hiện nhà ông Nguyễn Nhật H không có ai ở nhà nên Q nảy sinh ý định trộm cắp. Q dừng xe ở lề đường cách nhà ông H khoảng 70 mét, rồi nói M đứng ngoài chờ, Q đi băng qua vườn cà phê vào hông nhà thì thấy 01 cánh cửa sổ bằng gỗ, Q dùng tay kéo ra nhưng không được nên đi vòng ra sau nhà lấy 01 thanh kim loại tròn, hình chữ L cạy cánh cửa sổ bung ra, rồi lấy 01 cây cà phê, dài 105cm phá hư song cửa và vào nhà lục tìm tài sản. Q phát hiện dưới tủ đựng quần áo có 01 hộc nhỏ đã khóa, nên xuống bếp lấy 01 con dao dài 20cm cạy hộc tủ ra và lấy được số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó, Q tiếp tục lục tìm và lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT X508 Lite màu trắng và đi ra đến chỗ M, Q đưa tiền cho M giữ và điều khiển xe chạy về thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại đây M chia cho Q và M mỗi người 12.500.000 đồng, riêng chiếc điện thoại thì Q giữ và sử dụng. Tại kết luận số 45/KL-ĐGTS ngày 28-5-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, kết luận giá trị của chiếc điện thoại FPT X508 Lite màu trắng là 450.000 đồng.

Lần thứ 2: Vào khoảng 09 giờ ngày 22-3-2018, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 47C1-192.00 chở M đi đến thôn K, xã H, huyện G, Q phát hiện thấy nhà bà Nguyễn Thị T đóng cửa, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q dừng xe bên đường và nói M ở ngoài xe chờ, rồi trèo hàng rào vào vườn cà phê đi vào bên hông nhà, Q thấy 01 cửa sổ bằng sắt không đóng nên tìm lấy 01 cây gỗ vuông dài 83cm cạy song sắt cho bung ra rồi vào trong nhà lục tìm tài sản. Q thấy cửa phòng ngủ đóng nên lấy 01 chiếc búa đinh có chiều dài 16cm phá cửa rồi đi xuống bếp lấy 01 con dao dài 58cm lên cạy khóa tủ quần áo, lục tìm lấy được 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, rồi bỏ vào túi đi ra bằng cửa sau, ra xe Q đưa tiền cho M rồi cùng đi về thành phố P, M đếm được 10.000.000 đồng và chia cho Q và M mỗi người 5.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Khoảng 10 giờ ngày 28-3-2018, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 47C1-192.00 chở Minh đi từ thành phố P đi đến thôn H, xã Y, huyện Ia Grai, Q phát hiện nhà ông Lại Văn N không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp. Q dừng xe bên đường rồi trèo qua hàng rào lưới B40 đi vào phía sau nhà, còn M đứng ở ngoài chờ. Khi đi vào sau nhà, Q phát hiện 01 cửa sổ nên Q dùng tay mở cánh cửa và dùng cây cà phê dài 107cm cạy phá khung sắt của cửa sổ rồi vào trong nhà lục lọi trong 02 phòng ngủ thì phát hiện tại phòng ngủ thứ 2 có 01 chiếc tủ gỗ, Q kéo ngăn kéo của tủ ra thì phát hiện 01 cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng được gói trong

01 tờ giấy nên Q lấy bỏ vào túi và đi ra. Q đưa tiền cho M giữ, sau đó cả 2 cùng đi về thành phố P. Q và M đếm được số tiền là 7.000.000 đồng, sau đó Q và M chia nhau mỗi người 3.500.000 đồng, trong số tiền được chia Q dùng trả tiền nhà trọ cho ông Nguyễn Trọng T là 2.000.000 đồng và bị thu giữ là 560.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 29/CTr-VKS ngày 26-7-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Tăng Q về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị Nguyễn Tăng Q từ 28 -30 tháng tù, không đề nghị áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa, buộc bị cáo Nguyễn Tăng Q phải trả lại cho ông Nguyễn Nhật H số tiền trộm cắp là 25.000.000 đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền trộm cắp là 10.000.000 đồng, trả lại cho ông Lại Văn N số tiền trộm cắp còn lại là 4.440.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông Lại Văn N số tiền đã thu giữ của ông Nguyễn Trọng T là 2.000.000 đồng, thu giữ của bị cáo Q là 560.000 đồng. Đây đều là số tiền của ông N bị Q trộm cắp; Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội là 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 47C1-192.00, số máy G3D4E131043, số khung 0610EY118440, chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bị cáo Q; Tịch thu để tiêu hủy vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng là 01 cây cà phê (đã khô) dài 107cm, đường kính nơi lớn nhất 10cm, nơi nhỏ nhất 08cm; 01 thanh kim loại tròn, hình chữ L, dài 30cm, đường kính 01cm, mũi nhọn; 01 cây cà phê, dài 105cm, nơi lớn nhất rộng 08cm, nơi nhỏ nhất rộng 06cm; 01 con dao dài 20cm, cán bằng nhựa dài 09cm, lưỡi bằng kim loại dài 11cm; 01 cây gỗ vuông dài 83cm, rộng 06cm; 01 chiếc búa đinh dài 29cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 16cm, đường kính 03cm, đầu bằng kim loại rộng 12cm; 01 con dao dài 58cm, cán bằng tre dài 29cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, nơi nhỏ nhất của lưỡi dao rộng 03cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06cm.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tăng Q công nhận đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp gồm: Ngày 05-02-2018, trộm cắp của ông Nguyễn Nhật H số tiền 25.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT X508 Lite màu trắng trị giá 450.000 đồng. Ngày 22-3-2018, trộm cắp của bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 28-3-2018, trộm cắp của ông Lại Văn N số tiền 7.000.000 đồng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Bị hại là bà Nguyễn Thị T khẳng định số tiền ngày 22-3-2018 của bà bị mất là 20.000.000 đồng gồm toàn bộ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng chứ không phải chỉ có 10.000.000 đồng như bị cáo công nhận. Bị hại là ông Lại Văn N cũng khẳng định số tiền ngày 28-3-2018 của ông bị mất là 10.000.000 đồng gồm toàn bộ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng chứ không phải chỉ có 7.000.000 đồng như bị cáo công nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị hại là bà T và ông N đều không chứng minh được toàn bộ số tiền của mình bị mất là do bị cáo Q trộm cắp, bị cáo Q khai có đồng phạm khác tên là M cùng giữ và chia tiền trộm cắp được nhưng đến nay Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch và không có lời khai của đối tượng này nên không đủ căn cứ chứng minh bị cáo Q trộm cắp số tiền như lời khai của bị hại là bà T và ông N. Như vậy, chỉ có đủ căn cứ kết luận bị cáo Q đã thực hiện phạm tội 03 lần, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 42.450.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Tăng Q đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Đối với đối tượng tên M bị cáo Q khai cùng tham gia trộm cắp, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai nhưng hiện nay M không có mặt tại địa phương nên chưa có đủ căn cứ để xác định M có liên quan đến hành vi trộm cắp của Q. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xác định được sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[5] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, không có ý thức chấp hành pháp luật, đã bị kết án về tội "Hiếp dâm" và "Cướp tài sản công dân", mặc dù đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thực hiện việc nộp án phí, bồi thường cho bị hại nên chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội mới, phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm"; Bị cáo phạm tội 03 lần với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 42.450.000 đồng, phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội từ 02 lần trở lên". Như vậy bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt tù tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng bổ sung hình phạt bằng tiền.

[7] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét bị cáo sau khi phạm tội cũng đã "Thành khẩn khai báo", đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được

quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa, buộc bị cáo Nguyễn Tăng Q phải trả lại cho ông Nguyễn Nhật H số tiền trộm cắp là 25.000.000 đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền trộm cắp là 10.000.000 đồng, trả lại cho ông Lại Văn N số tiền trộm cắp còn lại là 4.440.000 đồng. Sau này nếu bị cáo Nguyễn Tăng Q có yêu cầu đối tượng M phải thanh toán lại phần tiền M phải trả lại cho bị hại thì sẽ được xem xét bằng vụ kiện dân sự khác.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử trả lại cho ông Lại Văn N số tiền đã thu giữ của ông Nguyễn Trọng T là 2.000.000 đồng, thu giữ của bị cáo Q là 560.000 đồng. Đây đều là số tiền của ông N bị Q trộm cắp; Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội là 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 47C1-192.00, số máy G3D4E131043, số khung 0610EY118440, chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bị cáo Q; Tịch thu để tiêu hủy vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng gồm: 01 cây cà phê (đã khô) dài 107cm, đường kính nơi lớn nhất 10cm, nơi nhỏ nhất 08cm; 01 thanh kim loại tròn, hình chữ L, dài 30cm, đường kính 01cm, mũi nhọn; 01 cây cà phê, dài 105cm, nơi lớn nhất rộng 08cm, nơi nhỏ nhất rộng 06cm; 01 con dao dài 20cm, cán bằng nhựa dài 09cm, lưỡi bằng kim loại dài 11cm; 01 cây gỗ vuông dài 83cm, rộng 06cm; 01 chiếc búa đinh dài 29cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 16cm, đường kính 03cm, đầu bằng kim loại rộng 12cm; 01 con dao dài 58cm, cán bằng tre dài 29cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, nơi nhỏ nhất của lưỡi dao rộng 03cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06cm. Đối với 01 Điện thoại di động hiệu FPT X508 Lite màu trắng, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là bị hại Nguyễn Nhật H, bị hại sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tăng Q phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tăng Q 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-3-2018.

- Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Tăng Q để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tăng Q phải trả lại cho ông Nguyễn Nhật H số tiền trộm cắp là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền trộm cắp là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), trả lại cho ông Lại Văn N số tiền trộm cắp còn lại là 4.440.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại cho ông Lại Văn N số tiền đã thu giữ của ông Nguyễn Trọng T là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thu giữ của bị cáo Nguyễn Tăng Q là 560.000 đồng (Năm trăm sáu mươi nghìn đồng), tổng cộng là 2.560.000 đồng (Hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Số tiền này đã được chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai tại tài khoản 3949.0.1048137.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện G, tỉnh Gia Lai.

Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội là 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 47C1-192.00, số máy G3D4E131043, số khung 0610EY118440, chiếc xe thuộc quyền sở hữu của bị cáo Nguyễn Tăng Q.

Tịch thu để tiêu hủy vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng là 01 cây cà phê (đã khô) dài 107cm, đường kính nơi lớn nhất 10cm, nơi nhỏ nhất 08cm; 01 thanh kim loại tròn, hình chữ L, dài 30cm, đường kính 01cm, mũi nhọn; 01 cây cà phê, dài 105cm, nơi lớn nhất rộng 08cm, nơi nhỏ nhất rộng 06cm; 01 con dao dài 20cm, cán bằng nhựa dài 09cm, lưỡi bằng kim loại dài 11cm; 01 cây gỗ vuông dài 83cm, rộng 06cm; 01 chiếc búa đinh dài 29cm, cán bằng nhựa màu xanh dài 16cm, đường kính 03cm, đầu bằng kim loại rộng 12cm; 01 con dao dài 58cm, cán bằng tre dài 29cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 29cm, nơi nhỏ nhất của lưỡi dao rộng 03cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 06cm.

(Các vật chứng nói trên có đặc điểm như nội dung biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31-7-2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Tăng QG phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.972.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-8-2018). Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích thủ tục, phạm vi kháng cáo*)

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND phường Đ;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Lưu HSVA; THAHS,THADS;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Văn Đính